TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số:48/2023/HS-ST
Ngày 29/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH V

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Trí Trường**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Thanh Hiếu
2/ Ông Trần Thanh Khen
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L - tỉnh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tham gia phiên tòa: ông Dương Vũ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 53/2023/HSST-QĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 63/2023/ HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số: 84/2023/ HSST-QĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Ngọc V,** sinh ngày 01 tháng 3 năm 1973. Tại thành phố M. (vắng mặt)

Tên gọi khác: Tý

Nơi cư trú: Nơ Trang L, phường 13, quận B, thành phố M.

Nghề nghiệp: Mua bán ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Ngọc NH, sinh năm 1942; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; Anh, chị, em ruột: có 03 người (Lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1976); Vợ: Tạ Thanh Tn; Con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004); Tiền sự: Không;

Tiền án:

Bản án số 37/2015/HSST ngày 27/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng T xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội "Làm giả con dấu, T1 liệu của cơ

quan, tổ chức", chấp hành xong hình phạt ngày 01/01/2016. Bị cáo chưa thi hành phần dân sự.

Bản án số 12/2016/HSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội "Làm giả con dấu, T1 liệu của cơ quan, tổ chức", chấp hành xong hình phạt ngày 01/01/2017.

Bản án số 10/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội "Làm giả con dấu, T1 liệu của cơ quan, tổ chức". Bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Bản án số 170/2019/HSST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, T1 liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt với Bản án số 10/2017/HSST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 04 năm 08 tháng 13 ngày tù. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Bản án số 135/2020/HSST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "Sử dụng con dấu, T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt với Bản án số 170/2019/HSST ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 10 năm 08 tháng 13 ngày tù. Phạt bổ sung Nguyễn Ngọc V số tiền 50.000.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Nhân thân:

Bản án số 322/HSST ngày 28/10/1995 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố H Chí Minh xử phạt 06 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Bản án số 02/HSST ngày 04/01/1997 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố H Chí Minh xử phạt 06 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Giả mạo chứng nhận cảu Cơ quan Nhà nước".

Bản án số 233/HSST ngày 17/8/2001 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố H Chí Minh xử phạt 02 năm 09 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về các tội "Tiêu thụ T1 sản do người khác phạm tội mà có" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T1 sản của công dân".

Bản án số 2293/HSPT ngày 27/9/2004 của Tòa Ph thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố H Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ T1 sản do người khác phạm tội mà có".

Bị cáo tại ngoại vắng mặt tại tòa.

2. Bị cáo: **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1971. Tại Trà V. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 556A, đường Trần Phú, khóm 4, phường 7, thành phố Trà V, tỉnh Trà V.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1928; Mẹ: Trương Thị Ng, sinh năm 1949; Anh, chị, em ruột: Có 10 người (Lớn nhất sinh năm 1952, nhỏ nhất sinh năm 1976); Vợ: Không; Con: Không; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 37/2015/HSST ngày 27/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng T xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội "Làm giả con dấu, T1 liệu của cơ quan, tổ chức", chấp hành xong hình phạt ngày 10/8/2016. Bị cáo chưa thi hành phần dân sự.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp Hoà Ninh, xã L Thắng, huyện lai V, tỉnh Đồng T (vắng mặt).

2. Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 28A, Trần Phú, khóm2, phường 1, thành phố s, tỉnh Đồng T (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 61, khóm 2, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng T (vắng mặt).

4. Cao Minh T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 3/1, khóm 4, thị trấn L H, huyện L H, tỉnh V (vắng mặt).

5.Trương Đức Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện L H, tỉnh V (vắng mặt).

6. Nguyễn Minh L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 162, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng T (vắng mặt).

7. Hà Ứng K, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Phú L An, xã Phú Quới, huyện L H, tỉnh Vĩnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Hữu L quen biết nhau thông qua việc mua bán xe máy cũ. Vào khoảng cuối năm 2013, L đặt vấn đề với V tìm mua H sơ giả để đăng ký hợp thức hóa các xe mô tô không có giấy tờ, chủ yếu là để đăng ký xe Suzuki Sport được L mua từ biên giới giáp với Camphuchia, nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Sau đó, V đặt vấn đề này lại với người tên Phú nhà ở thành phố H Chí Minh (không rõ địa chỉ) thì được Phú cho biết Phú có cách làm được. V nghe Phú nói có máy, thiết bị có thể tẩy xóa các nội dung như nhãn hiệu, số khung, số máy, số loại…trong H sơ xe hóa giá rồi thay thế vào đó thông tin của những xe mô tô không có giấy tờ cần làm giấy. Từ đó, V đã mua của Phú tất cả 03 bộ H sơ giả với giá 7.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng cho một bộ H sơ để bán lại cho L nhằm hưởng tiền chênh lệch. Trước khi mua, L cung cấp cho V thông tin của

xe như nhãn hiệu, số máy, số khung, màu sơn và thông tin của chủ xe…đồng thời đưa trước tiền làm H sơ cho V. V cung cấp toàn bộ thông tin này lại cho Phú. Khi Phú làm xong H sơ thì giao lại cho V để V giao lại L đem H sơ đi đăng ký giấy tờ xe. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: H sơ xe mô tô hiệu Suzuki biển số 66P1-361.74 có số máy: F124-105826, số khung: RU120U-A05826 do anh Phạm Huỳnh Minh, ngụ ấp Phước Hanh B, xã Phước Hậu, huyện L H đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh L đăng ký sang tên.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng cuối năm 2013 Nguyễn Hữu L đến biên giới huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang mua một xe mô tô hiệu Suzuki màu tím đã qua sử dụng với giá 37.500.000 đồng. Sau đó L thuê người sữa xe lại cho mới với số tiền khoảng 5.000.000 đồng. Sữa xe xong thì L liên hệ Nguyễn Ngọc V mua một H sơ giả với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, V liên hệ thuê Phú làm H sơ giả giá 10.000.000 đồng, V hưởng tiền chênh lệch 2.000.000 đồng. Phú làm xong H sơ giả thì giao cho V, V giao lại cho L để đi đăng ký xe. L quen biết Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1973, ngụ ấp Hòa Ninh, xã L Thắng, huyện Lai V, tỉnh Đồng T (Nh làm nghề sửa xe mô tô) nên L nhờ anh Nh đứng tên chủ sở hữu xe. Nh không biết H sơ giả nên Nh đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng T đăng ký và được cấp biển số 66P1-361.74, L cho Nh tiền công đi đăng ký xe là 400.000 đồng, Nh đăng ký xe xong thì L lấy xe sử dụng đi lại một thời gian thì L đã cầm xe ở thành phố Sa Đéc (không rõ tên địa chỉ cụ thể) với số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ cá nhân, xe này L hưởng L được 5.000.000 đồng. Đến khi, L bị tai nạn giao thông không đủ tiền chuộc lại xe nên chủ cầm xe bán xe lại cho Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1971 ngụ ấp An Hòa Nhất, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng T giá 65.000.000 đồng. Ph sử dụng xe một thời gian thì bán xe lại cho anh Cao Minh T2, ngụ số 3/1, khóm 4, thị trấn L H, huyện L H, tỉnh Vĩnh L với giá 71.000.000 đồng. Anh T2 sử dụng xe một thời gian lại bán xe cho anh Phạm Huỳnh Minh, ngụ ấp Phước Hanh B, xã Phước Hậu, huyện L H, tỉnh Vĩnh L giá 90.000.000 đồng. Anh Minh đem H sơ xe đến đăng ký sang tên và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh L cho biết H sơ xe không hợp lệ và tạm giữ H sơ để giám định. Sau đó anh Minh trả xe lại cho anh T2 và anh T2 trả tiền lại. Anh T2 đem xe về trả lại cho anh Ph và lấy lại số tiền 71.000.000 đồng từ Ph. Do thiếu nợ nên Ph đã đem xe về Bắc Vàm Cống (Đồng T) bán xe cho một người lạ (không rõ địa chỉ) với giá 20.500.000 đồng. (Hiện không thu Hi được xe).

Kết luận giám định số 77/KLGĐ-PC54 ngày 20/5/2014 của Phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh L kết luận tại vị trí số khung, số máy, nhãn hiệu, số loại trên toàn bộ H sơ: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 315/QĐ-CAH-TH ngày 11/5/2013 của Công an huyện Châu Đức, tỉnh

Bà Rịa - Vũng Tàu; Bản kết luận giám định số 126/PC54-DD3 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ***bị tẩy xóa và in lại nội dung hiện tại***. Vị trí "xe gắn máy (đqsd) SK RU120U-A05826; SM F124- 105826" trên "hóa đơn bán hàng" số 0086191 (liên 2) của Cục thuế tỉnh Tây Ninh đã ***bị tẩy xóa và viết lại nội dung hiện tại***.

Vụ thứ hai: H sơ và xe mô tô có số máy F124-149372 và số khung PMSRU120UOXA-49372 nhãn hiệu Suzuki biển số 66P1-387.44 người đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy là Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1973 ngụ ấp Hòa Ninh, xã L Thắng, huyện Lai V, tỉnh Đồng T.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng tháng 02/2014, Nguyễn Hữu L đến biên giới huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang thuê người (không rõ tên địa chỉ) mua một sườn và một máy của xe mô tô Suzuki giá 12.000.000 đồng và mua phụ tùng lắp ráp thành một chiếc xe mô tô hoàn chỉnh. L liên hệ Nguyễn Ngọc V mua một bộ H sơ giả với giá 8.000.000 đồng, V đồng ý và thuê Phú làm một bộ H sơ giả giá 7.000.000 đồng, V hưởng chênh lệch 1.000.000 đồng. Sau khi làm xong H sơ, Phú giao H sơ cho V, V giao lại H sơ cho L, rồi L giao H sơ và đưa cho Nh 400.000 đồng để nhờ Nh đi đăng ký giấy tờ xe lấy tên của Nh. Nh không biết H sơ giả nên đi đăng ký tại phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng T và được cấp biển số 66P1-387.44. Chi phí khi xe đăng ký xong là 35.000.000 đồng, L sử dụng xe một thời gian thì bán xe cho người quen của Nh với giá vốn là 35.000.000 đồng. Sau đó, xe được Nguyễn Văn T1 (tên gọi Tuấn), sinh năm 1982, ngụ khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng T mua lại với giá 64.500.000.000 đồng. T1 sử dụng một thời gian thì thông qua giới thiệu của Nguyễn Minh L và Trương Đức Đ đã bán xe cho anh Hà Ứng K, sinh năm 1967 ngụ 110/10 ấp Phú L, xã Phú Qưới, huyện L H, tỉnh Vĩnh L với giá 85.000.000 đồng. Đ đi làm thủ tục rút H sơ chuyển vùng cho anh K, khi đến đăng ký sang tên tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh L thì được cấp biển số mới là 64B1-418.21.

Kết luận giám định số 71/KLGĐ-PC54 ngày 16/5/2014 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh L kết luận tại vị trí số khung, số máy, nhản hiệu, số loại trên toàn bộ H sơ: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp, số 303/ QĐ-TTTVPT, ngày 21/10/2013 của Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và bản kết luận giám định số 1417/GĐ.2013 ngày 20/8/2013 của phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đã ***bị tẩy xóa và in lại nội dung hiện tại***. Vị trí có nội dung "xe gắn máy hai bánh đã qua sử dụng SK: PMSRU120UOXA 49372; SM: F124-149372 trên "hóa đơn bán hàng" số 0071271 (liên 2) của Cục thuế tỉnh Tây Ninh đã ***bị tẩy xóa và viết lại nội dung hiện tại***. Kết luận giám định số 65/KLGĐ-PC54 ngày 06/7/2015 của Phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh L kết luận xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 64B1-418.21 màu sơn đỏ: Số

khung ở bên phải cổ xe BE13D-TH164262 ***không thay đổi***, số khung ở vị trí dưới yên xe PMSRU120U0XA49372 ***là số hàn ghép***, số máy ...TH208266 ***bị đục sửa***, số F124-149372 ***là số đóng lại***.

Vụ thứ ba: H sơ cùng xe có số máy F125-ID858906, số khung MH8BF13BL5J- 858906 nhãn hiệu Suzuki biển số 66P1-382.45 người đứng tên trong giấy đăng ký xe mô tô, xe máy là Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1973 ngụ ấp Hòa Ninh, xã L Thắng, huyện Lai V, tỉnh Đồng T.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng tháng 03/2014 Nguyễn Ngọc V đến chợ Tân Thành thuộc quận 6, thành phố H Chí Minh mua một sườn xe, máy xe và phụ tùng xe mô tô Suzuki và thuê thợ ở đó lắp ráp thành một chiếc xe hoàn chỉnh tổng chi phí là 45.000.000 đồng. V liên hệ với Phú mua một bộ H sơ giả giá 7.000.000 đồng. V đưa cho L 5.000.000 đồng và nhờ L đi đăng ký giấy tờ xe cho V. Sau đó L thuê anh Nh với số tiền 400.000 đồng để đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký và đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng T đăng ký xe. Nh đăng ký và được cấp biển số 66P1-382.45. Xe được cấp biển số xong thì L giao xe cho V. V sử dụng xe được khoảng 03 tháng thì định bán xe với giá 65.000.000đồng. V thông qua Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1971 ngụ ấp An Hòa Nhất, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng T, Nguyễn Minh L, sinh năm 1975 ngụ thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng T, Trương Đức Đ giới thiệu xe cho anh Hà Ứng K mua xe. Ph, L và Đ hưởng tiền chệnh lệch khi bán xe cho anh K với giá 100.000.000 đồng. Trong đó, Ph hưởng L (tiền chênh lệch) là 23.000.000 đồng, Đ hưởng L 7.000.000 đồng và L hưởng L 5.000.000 đồng. Đ làm thủ tục rút H sơ đi đăng ký chuyển vùng cho anh K.

Ngày 14/5/2014, anh K đem H sơ cùng xe đến đăng ký sang tên tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh L làm thủ tục sang tên chuyển vùng. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Vĩnh L kiểm tra H sơ xe phát hiện có dấu hiệu cạo sửa in ấn lại nội dung số khung, số máy nên đã tạm giữ H sơ cùng xe để giám định, đồng thời cũng phát hiện H sơ của xe mô tô biển số 64B1-418.21 mà Phòng đã cấp trước đó cho anh K cũng có dấu hiệu làm giả H sơ nên yêu cầu anh K đem xe đến giao nộp để phục vụ công tác giám định.

Kết luận giám định số 77/KLGĐ-PC54 ngày 20/5/2014 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh L kết luận tại vị trí số khung, số máy, nhản hiệu, số loại trên toàn bộ H sơ: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp, số 128/QĐ-TTTVPT, ngày 02/12/2013 của Công an huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; Bản kết luận giám định số 1024/GĐ.2013 ngày 15/7/2013 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đã ***bị tẩy xóa và in lại nội dung hiện tại***. Vị trí có nội dung "xe gắn máy cũ đã qua sử dụng, SK MH8BF13BL5J858906; SM

F125-ID858906" trên "hóa đơn bán hàng" số 0054180 (liên 2) của Cục thuế tỉnh Tây Ninh đã ***bị tẩy xóa và viết lại nội dung hiện tại***.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Hữu L đều thừa nhận toàn bộ hành vi mua xe mô tô không có giấy tờ hợp lệ, rồi mua H sơ giả do Phú làm để sử dụng đi đăng ký giấy tờ xe tại cơ quan chức năng, nhằm mục đích bán lại xe mô tô không giấy tờ hợp lệ để kiếm lời.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hà Ứng K đã nhận được tiền khắc phục hậu quả từ gia đình bị can V và các đối tượng liên quan số tiền 33.000.000 đồng. Đồng thời anh K không yêu cầu bồi thường thêm và không yêu cầu gì khác.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh Nh khi thỏa thuận với Nguyễn Hữu L về việc đứng tên đăng ký xe thì Nh không biết xe L thuê đứng tên có nguồn gốc không hợp pháp và Nh cũng không biết các H sơ đi đăng ký là H sơ giả, nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nh.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKS, ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Hữu L về tội "Sử dụng con dấu hoặc T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà: Bảo lưu quan điểm cáo trạng truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Hữu L phạm tội "Sử dụng T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V: Mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt của Bản án số 135/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc bị cáo V nộp lại số tiền thu L bất chính là 11.000.000đ.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L: Mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Buộc bị cáo L nộp lại số tiền thu L bất chính là 5.000.000đ.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ trong H sơ vụ án các T1 liệu làm giả cho cơ quan điều tra đã thu thập. Đối với 02 xe môtô hiệu Suzuki, một xe màu đỏ- trắng có mang biển số 64B1- 418.21 và xe màu xanh- trắng (hiện tại xe

không gắn biển số). Có số máy F125.ID858906, số khung MH8BF13BL59-858906. Do chưa truy tìm được nguồn gốc xe nên tiếp tục giao cho công an huyện L H xác minh xử lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc 02 bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm

Ý kiến bị cáo tại tòa:

Bị cáo Nguyễn Hữu L trình bày: Cuối năm 2013 bị cáo có nhờ V mua dùm cho bị cáo 01 bộ H sơ giả để bị cáo đăng ký xe môtô, xe này bị cáo mua tại chợ biên giới Campuchia. Sau đó V giao H sơ cho bị cáo và bị cáo đã trả cho V 12.000.000đ. Chiếc xe này bị cáo đã đầu tư vào số tiền bao nhiêu thì hiện giờ bị cáo không nhớ nhưng bị cáo bán xe lại và lời được 5.000.000đ. Sang đầu năm 2014 bị cáo mua 1 sườn xe và 1 lốc máy ở chợ biên giới, sau đó bị cáo mua phụ tùng lắp ráp hoàn chỉnh như lần trước bị cáo cũng nhờ V mua H sơ giả. Xe này bị cáo đã bán lại cho bạn của Nh không có lời. Xe thứ 3 là xe của V. V đưa xe và giấy tờ giả nhờ bị cáo đăng ký. Cả ba xe trên bị cáo nhờ Nh đứng tên dùm, mỗi xe bị cáo cho Nh 400.000đ. Nh không biết giấy tờ đăng ký là giả vì bị cáo nói là xe thanh lý vì trên giấy tờ là xe thanh lý, tịch thu. Còn V là bạn bè của bị cáo, bị cáo quen với V khi mua bán xe củ trước đó.

Lời sau cùng bị cáo L trình bày: Bị cáo đã biết sai, khi vụ án bị phát hiện ở Vĩnh L và Đồng T. Toà án huyện Lai V đã xử bị cáo, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đến nay bị cáo rất sợ và hoàn cảnh của bị cáo hiện nay rất khổ, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập.

Bị cáo Nguyễn Ngọc V vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình điều tra V khai: Xe 66P1- 382.45 do tôi mua phụ tùng lắp ráp tổng chi phí 57.000.000đ sau đó tôi bán lại cho Bé Năm 65.000.000đ. Tôi lời 8.000.000đ. Còn 02 bộ H sơ tôi thuê Phú làm giả cho L tôi lời được 3.000.000đ. Các giấy tờ đăng ký xe là giấy tờ thật nhưng được tẩy xoá nội dung rồi in ấn lại. Tôi không biết Nguyễn Minh Nh, Nh là bạn của L. 03 xe không hợp lệ phát hiện ở Vĩnh L do tôi và L thực hiện vào thời gian cuối năm 2013 và đầu 2014. Tôi tự nguyện khai nhận không ai ép buộc tôi. Hiện nay, tôi được hoãn chấp hành án, tôi còn phải chấp hành hơn 10 năm tù nữa mới xong.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 18 tháng 5 năm 2023 bị cáo V đề nghị Toà án xét xử vắng mặt vì bị cáo đang bị tắc nghẽn hô hấp (có giấy tờ kèm theo) và vẫn giữ quan điểm đã khai nhận trong quá trình điều tra, truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong H sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị cáo Nguyễn Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khoẻ. Anh Hà Ứng K có đơn xin không tham gia vụ án và không có yêu cầu về trách

nhiệm dân sự. Những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan khác đã được Toà án triệu tập nhưng không đến tham gia phiên toà. Xét thấy việc vắng mặt của bị cáo V và những người có quyền L nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, Điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận việc vắng mặt của bị cáo V và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận: chính bị cáo là người đã mua 02 xe môtô không có giấy tờ hợp lệ, trong đó có xe bị cáo mua khung xe và phụ tùng để lắp ráp. Sau khi lắp ráp thành phẩm, bị cáo đã nhờ bị cáo V tìm H sơ giả để bị cáo thực hiện việc đăng ký làm biển số xe. Tại phiên toà bị cáo V vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra bị cáo V đã thừa nhận chính bị cáo là người đã đặt mua các H sơ đăng ký, nguồn gốc xe giả từ 1 đối tượng tên Phú (đối tượng Phú đến nay chưa tìm được) để bán lại cho L hưởng chênh lệch và bị cáo đã giao cho L 02 bộ H sơ. Các H sơ giả mà bị cáo V và bị cáo L đã khai nhận là phù hợp với kết luận giám định của cơ quan công an, phù hợp với số khung; số máy của 02 xe môtô đã được thu Hi. Đủ căn cứ để Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Hữu L đã phạm tội: "Sử dụng T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức". Các bị cáo đã thực hiện việc sử dụng T1 liệu giả 03 lần. Do đó, bản cáo trạng số 28/CT.VKS ngày 01/03/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Hữu L về tội "Sử dụng T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức". Theo điểm b khoản 2 điều 341 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực đăng ký xe. Gây mất lòng tin trong nhân dân. Do đó, phải xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo để lập lại trật tự chung.

Trong vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo là bạn bè quen biết nhau và hiểu được công việc lẫn nhau, khi L có nhu cầu giấy tờ giả để đăng ký xe thì bị cáo V đáp ứng. Chiếc xe đã đăng ký biển số 66P1- 38245 là xe của V, giấy tờ giả cũng của V giao cho L để đăng ký dùm; Bị cáo L đã biết là xe và giấy tờ không hợp lệ nhưng vẫn đăng ký dùm V thông qua việc nhờ Nguyễn Minh Nh đứng tên. Cho thấy vai trò của các bị cáo là ngang nhau trong vụ án.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều đã bị kết án chưa được xoá án tích. Tuy nhiên trong vụ án phát hiện tại địa bàn huyện L H, tỉnh Vĩnh L đã được khởi tố từ tháng 2/2015. Trước khi Toà án nhân dân huyện Lai V tỉnh Đồng T xét xử các bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng tình tiết tái phạm đối với các bị cáo.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu L: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai nhận thể hiện được sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh của bị cáo hiện tại gặp nhiều khó khăn.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V: Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thật thà khai nhận. Bị cáo có ông Nội là ông Nguyễn Ngọc Hườn là người có công với nước. Bà ngoại là bà Phạm Thị Thiêm là mẹ Việt Nam anh hùng. Hiện tại bị cáo đang mắc bệnh nặng.

Đây là những tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: 02 chiếc xe biển số 64B1- 41821 và 66P1-38245 đã bán qua nhiều người, người mua cuối cùng là anh Hà Ứng K. Trong quá trình điều tra anh K đã nhận 1 khoản tiền khắc phục từ gia đình của bị cáo V. Số còn lại anh K không có yêu cầu. Anh K có đơn không tham gia phiên toà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về xử lý vật chứng: 02 chiếc xe môtô đã được đăng ký biển số 64B1-41821 và 66P1- 38245 đang bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L H tạm giữ. Hai phương tiện trên có giấy tờ không hợp pháp và chưa truy tìm được nguồn gốc nên Hội đồng xét xử thống nhất giao lại công an huyện L H tiếp tục xác minh và xử lý.

Các T1 liệu do cơ quan điều tra thu thập từ các cơ quan khác sẽ được tiếp tục lưu giữ trong H sơ vụ án.

[2.7] **Về việc tổng hợp hình phạt**: Bị cáo Nguyễn Ngọc V đang phải chấp hành bản án số 135/2020/HS-ST của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với mức án 10 năm 08 tháng 13 ngày tù nên việc tổng hợp hình phạt của hai bản án là cần thiết.

[2.8] **Hình phạt bổ sung**: Hiện tại các bị cáo đều đang có hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.9] Biện pháp tư pháp: các khoản thu L bất chính của các bị cáo phải buộc nộp lại để sung quỹ nhà nước. Cụ thể, bị cáo Nguyễn Hữu L phải nộp lại 5.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Ngọc V phải nộp lại 11.000.000đ.

[2.10] Quan điểm của kiểm sát viên tại tòa có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Ngọc V phạm tội "Sử dụng T1 liệu giả của cơ quan, tổ chức"

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 341; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 2 điều 341; Điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 135/2020/HS-ST ngày 10/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 12 năm 08 tháng 13 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V giao nộp 11.000.000đ. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L giao nộp 5.000.000đ sung quỹ nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Giao cho công an huyện L H, tỉnh Vĩnh L 02 xe môtô biển số 64B1- 41821 và xe màu xanh-trắng (hiện tại xe không gắn biển số). Có số máy F125.ID858906, số khung MH8BF13BL59-858906 tiếp tục xác minh xử lý

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ Luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc 02 bị cáo Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Hữu L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm

6. Án xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu L có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Nguyễn Ngọc V và những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS. H,T ;
- CC. THA H;
-Sở Tư pháp;
-CQCSĐT L H;
-Phòng H sơ CAVL;
- Bị cáo; NLQ;
-UBND p13, Bình Thạnh, TP HCM;
- UBND P7, tp Trà V, Trà V
-Nhà tạm giữ L H;
- Lưu.